TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân **:** 1/ Bà **Phạm Thị Phượng**
2/ Bà **Lý Thị Bé Năm**
Thư ký phiên toà: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, KSV.

Ngày 25/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 418/2018/TLST- HNGĐ ngày 18/12/ 2018 về việc " ly hôn" theo quyết định xét xử số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị T, sinh 1995 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ẤpA, xã B, thị xã C, Tiền Giang.
Bị đơn : Anh Nguyễn Minh T1, sinh 1996 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp D, xã E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Minh T1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 và đăng ký kết hôn ngày 07/9/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy. Sau khi kết hôn, trong thời gian chung sống với nhau, hai người chung sống hạnh phúc được thời gian, đến giữa năm 2017 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Mặc dù anh chị đã vì con mà cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Trung T2, sinh ngày 31/01/2018. Cháu Trực hiện đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn :* Anh Nguyễn Minh T1, tthống nhất với lời trình bày của chị T và đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Trung T2, sinh ngày 31/01/2018. Cháu Trực hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh con, CMND, Sổ HK (bản sao chứng thực), đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn cung cấp: Bản tự khai, Đơn đề nghị vắng mặt; Tòa án thu thập: Biên bản xác minh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Minh T1, giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 34 do Ủy ban nhân dân phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy cấp ngày 07/9/2016 và lời trình bày của chị Nguyễn Thị T thì chị T và anh Nguyễn Minh T1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2016 nên quan hệ giữa chị T và anh T1 được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị T xin ly hôn với anh T1 thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh T1, chị T nhưng anh T1, chị T có đơn đề nghị vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt anh T1,chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh T1 và chị T từ khi chung sống đến nay đã có 01 con chung, trong thời gian chung sống cũng hạnh phúc thời gian ngắn, đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, mặc dù anh chị đã vì con mà cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn. Chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1. Đối với anh T1 thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị T. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Trung T2, sinh ngày 31/01/2018. Cháu Trực hiện đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con chung. Anh T1 cũng đồng ý giao con chung cho chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

- Về tài sản chung: Không có nên không xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Do đó, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T .

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung T2, sinh ngày 31/01/2018 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001973 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Anh T1, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ .

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND phường Nhị Mỹ, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng